

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 22-9-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Sơn và ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2021/TLST-DS ngày 7 tháng 7 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 308, đường ĐT 720, tổ 4, thôn 6, xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Bà Bùi Thị D, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà 09, đường số 25, thôn 2, xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số nhà 308, đường ĐT 720, tổ 4, thôn 6, xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI D V U ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Ng trình bày:*

Vào năm 2014, bà Hồ Thị Ng có cho bà Bùi Thị D vay tiền 02 lần với tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 19/9/2014 âm lịch (nhằm ngày 02/10/2014 dương lịch), bà Ng cho bà D vay 6.000.000 đồng; ngày 09/11/2014 âm

lịch (nhằm ngày 30/12/2014 dương lịch) bà Ng cho bà D vay 6.000.000 đồng. Khi bà Ng cho bà D vay tiền thì chồng bà Ng là ông Nguyễn Đình L đều biết và không có ý kiến gì, bà Ng xác định đây là số tiền chung của bà và ông L.

Khi thỏa thuận vay tiền thì bà D có viết giấy nhận nợ cho bà Ng; bà Ng và bà D có thỏa thuận lãi suất là 50.000đồng/1.000.000đồng/tháng (tức 5%/01 triệu/tháng), thời hạn vay không thỏa thuận, khi nào bà D có tiền thì bà D trả cho bà Ng, khi vay bà D cũng không nói mục đích vay để làm gì.

Sau khi vay tiền, bà D đã không trả lại cho bà Ng theo thỏa thuận, bà Ng có nhiều lần yêu cầu bà D phải trả tiền nợ gốc và lãi nhưng bà D không trả.

Do đó, bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả cho tôi số tiền nợ vay gốc là 12.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày 30/12/2014 cho đến nay, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, yêu cầu bà D phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong số tiền còn nợ.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Thị D trình bày:* Bà D mượn tiền của bà Ng gồm 02 lần. Lần đầu bà D mượn 6.000.000đồng, trả góp trong 01 tháng hết 6.000.000đồng, lãi suất 300.000 đồng/6 triệu/tháng; sau đó bà Ng mới cho bà D mượn lại số tiền 6.000.000đồng khác và số tiền này bà D cũng đã trả xong cho bà Ng, cũng với mức lãi suất 300.000đồng/6 triệu/tháng. Bà D thừa nhận chữ viết và chữ ký tên Bùi Thị D trong giấy nợ do bà Ng cung cấp đúng là chữ ký và chữ viết tên của bà D; Tuy nhiên, bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng; bởi vì, bà D cho rằng bà đã trả hết tiền nợ cho bà Ng bằng hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 200.000 đồng. Việc bà D trả góp hàng ngày cho bà Ng thì có lập sổ theo dõi việc trả nợ do bà Ng quản lý; bà D chỉ thừa nhận hiện tại bà D chỉ còn nợ bà Ng số tiền cầm heo là 3.000.000đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L trình bày:* Ông L nghe vợ ông là bà Ng nói lại là bà Ng có cho bà D vay số tiền số tiền là 12.000.000 đồng vào năm 2014. Khi bà Ng cho bà D vay tiền thì ông biết và không có ý kiến gì, ông xác định đây là số tiền chung của ông và bà Ng. Do đó, ông L thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Bùi Thị D trả số tiền nợ gốc là 12.000.000đồng, yêu cầu bà D trả lãi kể từ ngày vay cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn 12.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Hồ Thị Ng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Bùi Thị D; bà D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Vũ Hòa và giao dịch dân sự được thực hiện tại xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Căn cứ các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình L.

[3] Về chứng cứ: Bị đơn Bùi Thị D đã được thông báo về nội D bị khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp; tuy nhiên, bà D không nộp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, L ích hợp pháp của bà D đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội D: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội D vụ án như sau:

[4.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn Hồ Thị Ng khẳng định số tiền 6.000.000 đồng được ghi nhận tại giấy ghi nhận nợ lập ngày 09/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 30/12/2014 dương lịch) là tiền mua bán cầm chuyển sang tiền vay nhưng không có tài liệu chứng minh; bị đơn Bùi Thị D khẳng định đây là khoản tiền vay.

Tuy nhiên, căn cứ 02 giấy ghi nhận nợ (bản chính) do nguyên đơn cung cấp (BL 31-32), lời khai của bà Bùi Thị D lập ngày 9/9/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở khẳng định: Vào các ngày 19/9/2014 âm lịch (ngày 02/10/2014 dương lịch) và ngày 09/11/2014 âm lịch (ngày 30/12/2014 dương lịch), giữa bà Hồ Thị Ng và bà Bùi Thị D đã thoả thuận thực hiện 02 giao dịch vay mượn tiền, cụ thể bà

Ng cho bà D vay số tiền là 12.000.000đồng. Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật và thuộc sự kiện, tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào nội D của 02 giấy ghi nhận nợ vào các ngày 19/9/2014 âm lịch (ngày 02/10/2014 dương lịch) và ngày 09/11/2014 âm lịch (ngày 30/12/2014 dương lịch), có cơ sở khẳng định: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Ng và bà D là loại hợp đồng thể hiện bằng hình thức văn bản, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận phương thức trả nợ là trả góp, có thỏa thuận lãi suất tiền vay (thỏa thuận miệng). Tại thời điểm thực hiện giao dịch, các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các bên đều trung thực, thiện chí và hoàn toàn tự nguyện; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch vay tài sản giữa bà Ng và bà D là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà D thừa nhận chữ ký “D” và chữ viết tên “Bùi Thị D” thể hiện trong 02 giấy ghi nhận nợ vào các ngày 19/9/2014 âm lịch (ngày 02/10/2014 dương lịch) và ngày 09/11/2014 âm lịch (ngày 30/12/2014 dương lịch) do bà Ng cung cấp đúng là chữ ký và viết tên của bà D; bà D thừa nhận đúng số tiền mà bà D vay của bà Ng 02 lần là 12.000.000đồng; bà D cho rằng, sau khi vay tiền của bà Ng thì bà D đã trả góp hàng ngày cho bà Ng với số tiền 200.000đồng/ngày và bà D đã trả xong tiền nợ gốc cho bà Ng; mỗi lần bà D trả nợ thì bà Ng có đánh dấu vào sổ theo dõi trả nợ góp hàng ngày của bà Ng; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà D đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; mặt khác, bà Ng cũng không thừa nhận việc bà D đã trả góp hàng ngày cho bà Ng, đồng thời khẳng định không tài liệu là sổ theo dõi trả nợ như bà D đã khai nhận. Như vậy, việc bà Ng khởi kiện yêu cầu bà D phải trả số tiền nợ vay gốc 12.000.000đồng và tiền lãi là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp, bị đơn có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng thì bị đơn có quyền khởi kiện đòi lại tài sản đối với bà Ng trong vụ án dân sự khác.

[4.2] Đối với lãi suất: Tại phiên tòa, bà Ng và bà D đều xác định tại thời điểm giao dịch hai bên có thỏa thuận lãi suất; tuy nhiên, mức lãi suất do bà Ng và bà D khai không thống nhất; do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định lãi suất như sau:

+ Từ ngày 30/12/2014 đến 30/12/2016: Áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất được xác định là 9%/năm và số tiền lãi được xác định là: 03 năm x 9%/năm x 12.000.000 đồng = 3.240.000đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 đến 22/9/2021: Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì mức lãi suất được xác định là 10%/năm và số tiền lãi được các định là: 4 năm 8 tháng 21 ngày x 10%/năm x 12.000.000đồng = 5.669.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi trên số tiền nợ gốc mà bà D phải trả cho bà Ng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 9.709.000đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày xét xử đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về xác định bên được thanh toán như sau: Theo lời khai của bà Ng và ông L đều xác định số tiền cho bà D vay là tài sản chung của vợ chồng; do đó căn cứ Điều 33 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 213 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử khẳng định số tiền 12.000.000 đồng mà bà Ng cho bà D vay là tài sản chung của bà Ng và ông L; do đó, buộc bà Bùi D có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho bà Ng và ông L là phù hợp với các quy định nêu trên.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 92; Điều 93; Điều 95; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 166, Điều 213, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 28, 29, 30, Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Luật thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Ng.

Buộc bà Bùi Thị D phải trả số tiền 21.709.000đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn) cho vợ chồng bà Hồ Thị Ng và ông Nguyễn Đình L. Trong đó: Tiền nợ gốc là 12.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/9/2021 là 9.709.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Buộc bà Bùi Thị D phải chịu số tiền 1.085.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ng số tiền 533.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0005450 ngày 07/7/2021.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thuận**